

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/DS-ST

Ngày 04 - 6 - 2021

“V/v tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 642/2020/TLST-DS ngày 16/11/2020 về việc “Tranh chấp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2021/QĐXXST-DS ngày 27/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 309/2021/QĐ-ST ngày 17/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Ô, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lý Thị M, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Bà H làm chủ hụi thì vợ chồng ông K và bà M có tham gia nhiều chân hụi từ năm 2017 đến ngày 10/4/2020, bà H và bà M có chốt nợ lại sổ tiền bà M và ông K thiếu bà H là 19.750.000 đồng (có biên nhận bà M ký tên).

Ngoài ra, bà M và ông K còn tham gia chơi các chân hụi như sau:

Vào ngày 20/6/2018, mở hụi loại 1.000.000 đồng, dây hụi có 34 chân, mỗi tháng khui 1 lần, vợ chồng ông K và bà M tham gia 3 chân đã hốt hết, bà M và ông

K đã đóng hụi đến hết ngày 30/4/2020, bà H đã đóng thay 6 lần x 3 x 1.000.000 đồng = 18.000.000 đồng (hụi chưa mãn).

Vào ngày 10/11/2018, mở hụi loại 1.000.000 đồng, dây hụi có 29 chân, 1 tháng khai 1 lần, bà M và ông K tham gia 2 chân đã hốt hết 2 chân, bà M và ông K đã đóng hụi đến ngày 20/4/2020 ngưng, bà H đã đóng thay 6 lần x 2 x 1.000.000 đồng = 12.000.000 đồng (hụi chưa mãn).

Vào ngày 25/4/2019, mở hụi loại 600.000 đồng, dây hụi có 24 chân, mỗi tháng khai 1 lần, vợ chồng ông K và bà M tham gia 2 chân đã hốt hết, bà M và ông K đã đóng hụi đến hết ngày 05/5/2020 ngưng, bà H đã đóng thay 5 lần x 2 x 600.000 đồng = 6.000.000 đồng (hụi chưa mãn).

Vào ngày 25/5/2019, mở hụi loại 600.000 đồng, dây hụi có 26 chân, mỗi tháng khai 1 lần, vợ chồng ông K và bà M tham gia 2 chân đã hốt hết, bà M và ông K đã đóng hụi đến hết ngày 05/5/2020 ngưng, bà H đã đóng thay 5 lần x 2 x 600.000 đồng = 6.000.000 đồng (hụi chưa mãn).

Vào ngày 29/01/2019, mở hụi loại 1.000.000 đồng, dây hụi có 32 chân, mỗi tháng khai 1 lần, vợ chồng ông K và bà M tham gia 2 chân đã hốt hết 2 chân, bà M và ông K đã đóng hụi đến hết ngày 09/5/2020 ngưng, bà H đã đóng thay 5 lần x 2 x 1.000.000 đồng = 10.000.000 đồng (hụi chưa mãn).

Vào ngày 15/8/2019, mở hụi loại 1.000.000 đồng, dây hụi có 31 chân, mỗi tháng khai 1 lần, vợ chồng ông K và bà M tham gia 2 chân đã hốt hết 2 chân, bà M và ông K đã đóng hụi đến hết ngày 25/4/2020, bà H đã đóng thay 6 lần x 2 x 1.000.000 đồng = 12.000.000 đồng (hụi chưa mãn).

Vào ngày 07/11/2019, mở hụi loại 2.000.000 đồng, dây hụi có 27 chân, mỗi tháng khai 1 lần, vợ chồng ông K và bà M tham gia 2 chân đã hốt hết 2 chân, bà M và ông K đã đóng hụi đến hết ngày 17/4/2020 ngưng, bà H đã đóng thay 6 lần x 2 x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng (hụi chưa mãn).

Vào ngày 25/7/2017, mở hụi loại 5.000.000 đồng, dây hụi có 12 chân, 6 tháng khai 1 lần, vợ chồng ông K và bà M tham gia 1 chân đã hốt hết 1 chân, bà M và ông K đã đóng hụi đến hết ngày 10/02/2020 ngưng, bà H đã đóng thay 1 lần x 1 x 5.000.000 đồng = 5.000.000 đồng (hụi chưa mãn).

Vào ngày 25/7/2017, mở hụi loại 5.000.000 đồng, dây hụi có 14 chân, 6 tháng khai 1 lần, vợ chồng ông K và bà M tham gia 1 chân đã hốt hết 1 chân, bà M và ông K đã đóng hụi đến hết ngày 10/02/2020 ngưng, bà H đã đóng thay 1 lần x 1 x 5.000.000 đồng = 5.000.000 đồng (hụi chưa mãn). Sau đó, ông K và bà M có trả 2 đợt là 13.850.000 đồng.

Ngày 10/4/2020 bà M có làm biên nhận, tổng số ông K và bà M nợ bà H là 123.900.000 đồng (có biên nhận do bà M ký tên).

Bà H yêu cầu ông K và bà M trả số tiền 123.900.000 đồng (số tiền hụi kết nợ đến ngày 10/4/2020). Số tiền hụi chưa mãn còn lại nếu sau này ông K và bà M không đóng, bà H sẽ khởi kiện sau.

Tại Biên bản hòa giải ngày 24/12/2020, bị đơn bà Lý Thị M trình bày:

Bà M thừa nhận vợ chồng bà có tham gia hội do bà H làm chủ và đã hót hội, hiện nay còn nợ lại số tiền theo biên nhận ngày 20/4/2020 là 123.900.000 đồng. Việc tham gia chơi hội ông K biết và tiền hót hội sử dụng vào việc bà M bán tạp hóa trong gia đình. Có lần ông K đi bỏ hội, khi bà H chung hội, có khi có mặt ông K và cũng có lần ông K ký biên nhận nhận tiền hội. Nay bà đồng ý trả lại số tiền này cho bà H, nhưng đây là nợ chung của vợ chồng nên vợ chồng cùng có trách nhiệm trả.

Tại Biên bản hòa giải ngày 24/12/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông K thừa nhận đây hội 2.000.000 đồng ông có tham gia cùng bà M chơi và có đi tham gia bỏ hội 1 lần (hội này đã mãn rồi), ông không nhớ ngày khai hội. Còn lại các lần khác, ông không biết vì ông không đồng ý cho bà M chơi, bà M chơi thì bà M có trách nhiệm trả. Việc bà M hót hội tiền dùng vào việc gì ông không biết. Nay ông không đồng ý trả số tiền trên cho bà H, việc bà M bán tạp hóa, bà M quản lý tiền bạc nên ông không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ hội 123.900.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng hội đã giao kết, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền hội và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự thủ tục:* Bị đơn bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Giao dịch hui phát sinh sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn thấy rằng:* Qua lời trình bày của các đương sự thì xác định được nguyên đơn làm chủ hui có mở nhiều dây hui, bị đơn bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn K tham gia chơi 11 dây hui, với tổng số là 21 chân và đã hốt hết 21 chân hui và trước đó chơi hui còn thiếu lại 19.750.000 đồng. Tổng số tiền bà M và ông K thiếu là 137.500.000 đồng, sau đó bà M và ông K có trả cho bà H được 13.850.000 đồng. Ngày 10/4/2020 bà M có làm biên nhận nợ lại bà H số tiền 123.900.000 đồng.

Bà M thừa nhận có tham gia chơi hui với bà H và đã hốt hết các chân hui đã tham gia. Do không có tiền đóng hui nên đến ngày 10/4/2020 bà M có làm biên nhận kết nợ với bà H, hiện nay còn thiếu bà H số tiền 123.900.000 đồng. Nay đồng ý trả số nợ trên, nhưng số nợ này do vợ chồng cùng tham gia chơi hui và hốt hui để làm ăn mua bán chung trong quá trình chung sống với ông K, nên yêu cầu ông K cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Đối với bị đơn ông K: Ông K thừa nhận dây hui 2.000.000 đồng ông có tham gia cùng bà M chơi và có đi tham gia bỏ hui 1 lần (hui này đã mãn rồi), ông không nhớ ngày khui hui. Còn lại các dây hui khác, ông không biết vì ông không đồng ý cho bà M chơi, bà M chơi thì bà M tự có trách nhiệm trả. Việc bà M hốt hui, tiền dùng vào việc gì thì ông không biết. Nay ông K không đồng ý trả số tiền trên cho bà H.

Xét thấy, tại các Biên bản làm việc với những người tham gia góp hui chung với ông K và bà M (BL 49, 50) đều xác định khi khui hui có lúc bà M đi và có lúc ông K đi, hơn nữa số nợ bà M xác định sau khi hốt hui về vợ chồng cùng làm ăn (bà M bán tạp hóa trên ghe hàng) và ông K cũng xác định có tham gia 1 chân hui loại 2.000.000 đồng nhưng không nhớ ngày tháng năm nào và đã mãn, nhưng ông K không chứng minh được hui này đã mãn. Do số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại nên vợ chồng phải có trách nhiệm trả nợ chung là phù hợp với Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do bị đơn bà M và ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ hui theo thỏa thuận, đồng thời nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do bà H và bà M, ông K xác lập, nên cần buộc bà M và ông K phải có trách nhiệm trả cho bà H tổng số tiền hui 123.900.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 15,

18, 21, 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bị đơn bà M và ông K có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 123.900.000 đồng.

[5] *Về án phí*: Căn cứ các quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.195.000 đồng đối với số tiền mà Tòa án buộc trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn đã dự nộp án phí trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471 Bộ luật dân sự. các Điều 15, 18, 21, 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường. Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 123.900.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Buộc bị đơn bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn K phải nộp số tiền 6.195.000 đồng (Sáu triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã dự nộp số tiền 3.098.000 đồng theo Biên lai thu số 0004295 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được hoàn lại toàn bộ.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Từ Thanh Nhung